

Số: 37/2020/KDTM-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hiên Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hòa

2. Bà Vũ Thị Kim Thái

Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Lê - Th- ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2019/TLST-KDTM ngày 15 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-KDTM ngày 26/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2020/QĐST-KDTM ngày 11/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; (Kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng - VAMC); Trụ sở chính: 89 L, phường H, quận Đống Đa, Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT; Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó giám đốc trung tâm Xử lý nợ pháp lý (Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của chủ tịch HĐQT. Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn T và Bà Trịnh Thị T; Cùng địa chỉ: số 72 N, quận Thanh Xuân, Hà Nội. (Văn bản ủy quyền số 2868/2020/UQ-VPB ngày 20/7/2020); (Bà Trịnh Thị T có mặt, ông Nguyễn Văn T vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty cổ phần phát triển thương mại quốc tế T; Trụ sở: Số 8 T, phường T, quận Cầu Giấy, Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tuấn D - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn do bà Trịnh Thị T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty cổ phần phát triển thương mại quốc tế T (sau đây gọi tắt là Công ty T) vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần V theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 170613-799498-01-SME ngày 17/6/2013, với tổng số tiền vay là: 3.240.000.000đ (Bằng chữ: Ba tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng). Mục đích vay là bổ sung vốn sản xuất kinh doanh thức ăn gia súc, cụ thể giải ngân bằng các khế ước nhận nợ như sau:

1.1. Khế ước nhận nợ số 060913-799498-01-SME ngày 06/9/2013:

- Số tiền nhận nợ: 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng);
 - Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày 06/9/2013 đến ngày 06/02/2014;
 - Lãi suất cho vay trong hạn là: 12 %/năm, lãi suất cố định trong 03 tháng đầu tiên, điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 06/12/2013. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 2,5 %/năm;
 - Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn;
 - Phạt chậm trả lãi: Bằng 0,05%/ngày tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả, bắt đầu tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ lãi quá hạn.
 - Thời hạn trả nợ:
 - +) Kỳ trả nợ gốc: Trả một lần khi kết thúc thời hạn vay;
 - +) Kỳ trả nợ lãi: Hàng tháng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 08 hàng tháng.
- Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 08/10/2013.

1.2. Khế ước nhận nợ số 261113-799498-01-SME ngày 26/11/2013:

- Số tiền nhận nợ: 2.340.000.000đ (Hai tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng);
- Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày 26/11/2013 đến ngày 26/4/2014;
- Lãi suất cho vay trong hạn là: 11,55%/năm, lãi suất cố định trong 03 tháng đầu tiên, điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26/02/2014. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 2,75%/năm;
- Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn;

- Phạt chậm trả lãi: Bằng 0,05%/ngày tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả, bắt đầu tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ lãi quá hạn.

- Thời hạn trả nợ:

+) Kỳ trả nợ gốc: Trả một lần khi kết thúc thời hạn vay;

+) Kỳ trả nợ lãi: Hàng tháng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 24 hàng tháng.

Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 24/12/2013.

1.3. Khế ước nhận nợ số 291113-799498-01-SME ngày 29/11/2013:

- Số tiền nhận nợ: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng);

- Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày 29/11/2013 đến ngày 29/4/2014;

- Lãi suất cho vay trong hạn là: 11,55 %/năm, lãi suất cố định trong 03 tháng đầu tiên, điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/3/2014. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 2,75 %/năm;

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn;

- Phạt chậm trả lãi: Bằng 0,05%/ngày tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả, bắt đầu tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ lãi quá hạn.

- Thời hạn trả nợ:

+) Kỳ trả nợ gốc: Trả một lần khi kết thúc thời hạn vay;

+) Kỳ trả nợ lãi: Hàng tháng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 24 hàng tháng.

Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 24/12/2013.

Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 31(1), tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ: tổ dân phố A, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Lê Quý M và bà Nguyễn Thị Minh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 020099 do UBND huyện G, thành phố Hà Nội cấp ngày 10/10/2015 đứng tên ông Lê Quý M và bà Nguyễn Thị Minh T; thế chấp tại Ngân hàng V theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác, số công chứng: 1025/2013, quyển số: 02-2013 ngày 17/6/2013 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty T tổng số tiền 3.240.000.000đ (Ba tỷ

hai trăm bốn mươi triệu đồng). Tuy nhiên, quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng V nên chịu lãi suất nợ quá hạn theo nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ.

Ngày 26/8/2015, Ngân hàng V bán toàn bộ khoản nợ của Công ty T cho Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) theo Hợp đồng mua bán nợ số 16922/2015/MBN.VAMC2-NGÂN HÀNG V. Theo đó, Ngân hàng V đã chuyển giao quyền chủ nợ của Công ty T cho VAMC. Tiếp đó, VAMC đã ủy quyền cho Ngân hàng V khởi kiện, tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp, thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo Hợp đồng ủy quyền số 16923/2015/UQ.VAMC2-NGÂN HÀNG V.

Ngày 23/12/2019, ông Lê Quý M và bà Nguyễn Thị Minh T đã nộp cho Ngân hàng V số tiền 4.500.000.000đ (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng) (trong đó Ngân hàng V đã hạch toán thu vào nợ gốc của Công ty T số tiền: 3.240.000.000đ và thu vào lãi số tiền là 1.260.000.000 đồng) để thực hiện thay một phần nghĩa vụ trả nợ của Công ty T tại Ngân hàng V và đã được Ngân hàng V giải chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mang tên ông Lê Quý M và bà Nguyễn Thị Minh T.

Ngày 16/01/2020, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

1. Rút yêu cầu đối với số tiền gốc là 3.240.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 1.260.000.000 đồng và toàn bộ số tiền phạt chậm trả (tạm tính đến ngày 19/4/2018 số tiền này là 760.989.547 đồng).

2. Rút yêu cầu đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và các Khế ước nhận nợ cho đến ngày Công ty T thực tế thanh toán hết các khoản nợ VAMC.

3. Rút yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên kê biên, phát mại đối với tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 31(1), tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ: tổ dân phố A, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Lê Quý M và bà Nguyễn Thị Minh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 020099 do UBND huyện G, thành phố Hà Nội cấp ngày 10/10/2015 đứng tên ông Lê Quý M và bà Nguyễn Thị Minh T; thế chấp tại Ngân hàng V theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác, số công chứng: 1025/2013, quyền số: 02-2013 ngày 17/6/2013.

Từ những nội dung nêu trên, nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm:

Buộc Công ty cổ phần phát triển Thương mại Quốc tế T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VAMC số tiền tạm tính đến ngày 13/01/2020 là:

+ Nợ gốc: 0 đồng;

+ Nợ lãi: 1.402.139.310 đồng;

+ Tổng cộng: 1.402.139.310 đồng (Một tỷ bốn trăm linh hai triệu một trăm ba mươi chín nghìn ba trăm mười đồng).

Bị đơn - Công ty CP phát triển thương mại quốc tế T đã được Tòa án giao hợp lệ các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nhưng không đến Tòa án làm việc cũng không có bất cứ văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp Hợp đồng mua bán nợ số 432a/2019/BN.VAMC1-NGÂN HÀNG V và các văn bản ủy quyền mới. Theo đó, Ngân hàng V đã mua lại toàn bộ khoản nợ của Công ty T từ Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) từ ngày 28/3/2019. Ngân hàng V vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 16/01/2020, đề nghị Tòa án buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 170613-799498-01-SME ngày 17/6/2013 là: 1.402.139.310 đồng (Một tỷ bốn trăm linh hai triệu một trăm ba mươi chín nghìn ba trăm mười đồng). Đồng thời rút yêu cầu tuyên trong bản án: Trường hợp công ty không trả hết nợ cho Ngân hàng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thuộc sở hữu của công ty T để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu quan điểm: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Thụ lý đúng thẩm quyền; Giao các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định; Xác định tư cách đương sự và quan hệ pháp luật đúng quy định; Thu thập chứng cứ khách quan, công khai; Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn. Tuy nhiên thụ lý vụ án ngày 15/02/2019; ngày 26/8/2020 ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 BLTTDS. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các điều từ 239 đến 267 BLTTDS. Về phía các đương sự: Đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS. Việc Ngân hàng V chậm nộp các tài liệu

liên quan đến việc mua lại nợ từ VAMC xác định là lỗi của Ngân hàng V nhưng không làm thay đổi bản chất sự việc, do đó đề nghị HĐXX chấp nhận. Đối với bị đơn, từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án đã vi phạm các quy định tại Điều 70, 72 và 234 BLTTDS, bị đơn không đến Tòa án làm việc mặc dù Tòa án đã thực hiện các biện pháp giao văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật nên việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với những phần nguyên đơn đã rút yêu cầu.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng là 1.402.139.310 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm. Sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP V trước đây có trụ sở tại 72 T, phường T, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội nhận ủy quyền của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) khởi kiện Công ty cổ phần phát triển thương mại quốc tế T (Công ty T) có trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại số 8 T, phường T, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Theo khoản 2 Điều 11 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 170613-799498-01-SME ngày 17/6/2013 ký giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty CP phát triển thương mại quốc tế T quy định: “Các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này, nếu không xử lý được bằng thương lượng, các bên có quyền xử lý theo đúng các điều khoản đã thỏa thuận tại Hợp đồng này hoặc có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) khởi kiện ra Tòa án nhân dân nơi thực hiện hợp đồng này để giải quyết. Các bên thống nhất rằng nơi thực hiện hợp đồng là nơi có trụ sở của bên Ngân hàng nêu tại phần đầu của Hợp đồng. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là Công ty CP phát triển thương mại quốc tế T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

- Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần phát triển thương mại quốc tế T đã ký hợp đồng tín dụng hạn mức số: 170613-799498-01-SME ngày 17/6/2013 và các khế ước nhận nợ số 060913-799498-01-SME ngày 06/9/2013; Khế ước nhận nợ số: 261113-799498-01-SME ngày 26/11/2013 và

Khế ước nhận nợ số 291113-799498-01-SME ngày 29/11/2013. Mục đích vay là bổ sung vốn sản xuất kinh doanh thức ăn gia súc - theo quy định tại khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh có mục đích lợi nhuận, do vậy đây là tranh chấp về Kinh doanh thương mại.

- Về tư cách của đương sự trong vụ án:

+ Trước khi thụ lý vụ án thì khoản nợ của Công ty cổ phần phát triển thương mại quốc tế T đã được Ngân hàng TMCP V bán toàn bộ cho Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC). Quá trình giải quyết vụ án, ngày 28/3/2019 Ngân hàng V đã mua lại toàn bộ khoản nợ của Công ty T từ Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) theo Hợp đồng mua bán nợ số 432a/2019/BN.VAMC1-NGÂN HÀNG V. Đến ngày xét xử, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V mới nộp tài liệu liên quan đến việc mua lại khoản nợ từ VAMC. Việc chậm nộp các tài liệu này xác định là lỗi của Ngân hàng V, tuy nhiên Ngân hàng V cũng đã thông báo việc mua lại nợ cho các đương sự theo quy định nên xét thấy không ảnh hưởng đến bản chất vụ việc. Do đó những tài liệu này được chấp nhận.

Căn cứ khoản 4 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 7 Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 thì sau khi mua lại khoản nợ, Ngân hàng V là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của VAMC. Căn cứ Điều 365 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Ngân hàng V trở thành chủ sở hữu khoản nợ của Công ty T và có quyền yêu cầu Công ty T thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó xác định Ngân hàng TMCP V là nguyên đơn, Công ty cổ phần phát triển thương mại quốc tế T là bị đơn trong vụ kiện là đúng tư cách tố tụng.

+ Bị đơn là Công ty cổ phần phát triển thương mại quốc tế T đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Điều 211 Luật Doanh nghiệp từ ngày 18/12/2017 theo Quyết định số 768797/17 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại doanh nghiệp chưa nộp hồ sơ giải thể.

Trong Điều lệ của Công ty T nộp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội có quy định tại Điều 60 về Thủ tục giải thể doanh nghiệp: “6. Trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi giấy đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp giải thể trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.... Sau thời hạn sáu tháng quy định tại khoản này mà cơ quan đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ giải thể doanh nghiệp thì doanh nghiệp đó coi như đã được giải thể...”. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp quy định: “Doanh

nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài”. Do đó xác định Công ty T chưa đủ điều kiện để giải thể và tiếp tục phải thực hiện các nghĩa vụ của mình.

Công ty T đã được tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, không có yêu cầu phản tố; đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Trước đây, Tòa án xác định ông Lê Quý M và bà Nguyễn Thị Minh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án do ông bà là người ký thế chấp tài sản đảm bảo để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty T tại Ngân hàng Ngân hàng V.

Ngày 20/8/2020, ông Lê Quý M, bà Nguyễn Thị Minh T có đơn đề nghị không triệu tập tham gia tố tụng do ông bà đã thực hiện thay một phần nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T và đã được Ngân hàng V giải chấp tài sản thế chấp.

Ngày 26/8/2020, Tòa án nhân dân đã ra Thông báo số 01/TB-TA về việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp là nhà đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 31, tổ dân phố A, thị trấn T, huyện G, TP Hà Nội thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Lê Quý M và bà Nguyễn Thị Minh T. Do đó Tòa án không đưa ông Lê Quý M và bà Nguyễn Thị Minh T vào tham gia tố tụng do không còn liên quan đến vụ án.

[2]. Về nội dung:

2.1. Giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần phát triển thương mại quốc tế T có ký Hợp đồng tín dụng số hạn mức số: 170613-799498-01-SME ngày 17/6/2013. Hình thức và nội dung của Hợp đồng tuân thủ đầy đủ các quy định tại Điều 51 của Luật các tổ chức tín dụng Việt Nam, thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy Hợp đồng tín dụng nói trên có giá trị thi hành.

Đối với bị đơn - Công ty T được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không có văn bản gửi Tòa án thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng V và Công ty T là hợp pháp.

Trên thực tế, Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty T số tiền 3.240.000.000 (Ba tỷ hai trăm bốn mươi triệu) đồng theo các khế ước nhận nợ số

060913-799498-01-SME ngày 06/9/2013; 261113-799498-01-SME ngày 26/11/2013 và khế ước nhận nợ số 291113-799498-01-SME ngày 29/11/2013.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Ngân hàng V đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn và khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bị đơn - Công ty T phải trả tiền nợ còn lại theo Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký.

Quá trình giải quyết vụ án, người thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay của công ty T là ông Lê Quý M và bà Nguyễn Thị Minh T đã thanh toán được toàn bộ nợ gốc là 3.240.000.000 đồng vào ngày 23/12/2019 và một phần nợ lãi, do đó nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện và Ngân hàng V đã giải chấp tài sản bảo đảm, đến ngày 24/12/2019 thì khoản vay không còn nợ gốc, không còn tài sản bảo đảm, nợ lãi quá hạn còn lại là 1.402.139.310 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể:

- Rút yêu cầu đối với số tiền gốc là 3.240.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 1.260.000.000 đồng và toàn bộ số tiền phạt chậm trả (tạm tính đến ngày 19/4/2018 số tiền này là 760.989.547 đồng).

- Rút yêu cầu đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và các Khế ước nhận nợ cho đến ngày Công ty T thực tế thanh toán hết các khoản nợ VAMC.

- Rút yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên kê biên, phát mại đối với tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 31(1), tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ: tổ dân phố A, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Lê Quý M và bà Nguyễn Thị Minh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 020099 do UBND huyện G, thành phố Hà Nội cấp ngày 10/10/2015 đứng tên ông Lê Quý M và bà Nguyễn Thị Minh T; thế chấp tại Ngân hàng V theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác, số công chứng: 1025/2013, quyển số: 02-2013 ngày 17/6/2013.

Yêu cầu Tòa án buộc Công ty T thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi quá hạn còn lại. Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Ngoài ra, tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn cũng rút yêu cầu tuyên trong bản án: Trường hợp công ty không trả hết nợ cho Ngân hàng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thuộc

sở hữu của công ty T để thu hồi nợ. Xét việc rút yêu cầu tuyên trong bản án nội dung trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

2.2. Theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 11 quy chế cho vay số 1627 ngày 31.12.2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005 thì “*Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam được quyền thỏa thuận lãi suất với khách hàng*” và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của ngân hàng Nhà nước thì “*Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn ... không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng*”. Căn cứ hợp đồng tín dụng và bảng kê tính lãi thì việc Ngân hàng V tính lãi suất quá hạn đối với khoản vay của Công ty T bằng (lãi suất trong hạn tương ứng từng thời kỳ) x (nhân) 150% x (nhân) thời gian từ (ngày khoản vay chuyển quá hạn đối với từng khế ước nhận nợ) đến ngày 24/12/2019 (ngày khoản vay không còn nợ gốc) là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận việc tính lãi quá hạn của ngân hàng đối với khoản vay của Công ty T.

Căn cứ các điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn - Công ty T phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ lãi quá hạn còn lại là 1.402.139.310 đồng (Một tỷ bốn trăm linh hai triệu một trăm ba mươi chín nghìn ba trăm mười đồng).

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 217; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471; điều 474; điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001);

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP V (Kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng - VAMC) đối với bị đơn - Công ty cổ phần phát triển thương mại quốc tế T.

2. Buộc Công ty cổ phần phát triển thương mại quốc tế T phải trả Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V) số tiền lãi quá hạn 1.402.139.310 đồng (Một tỷ bốn trăm linh hai triệu một trăm ba mươi chín nghìn ba trăm mười đồng) theo Hợp đồng tín dụng số hạn mức số: 170613-799498-01-SME ngày 17/6/2013 và các khế ước nhận nợ 060913-799498-01-SME ngày 06/9/2013; 261113-799498-01-SME ngày 26/11/2013 và khế ước nhận nợ số 291113-799498-01-SME ngày 29/11/2013.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 3.240.000.000 đồng, số tiền nợ lãi 1.260.000.000 đồng và toàn bộ số tiền phạt chậm trả.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và các Khế ước nhận nợ cho đến ngày Công ty T thực tế thanh toán hết các khoản nợ.

Đình chỉ yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên kê biên, phát mại đối với tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 31(1), tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ: tổ dân phố A, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Lê Quý M và bà Nguyễn Thị Minh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 020099 do UBND huyện G, thành phố Hà Nội cấp ngày 10/10/2015 đứng tên ông Lê Quý M và bà Nguyễn Thị Minh T; thế chấp tại Ngân hàng V theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác, số công chứng: 1025/2013, quyển số: 02-2013 ngày 17/6/2013.

4. Về án phí:

- Công ty cổ phần phát triển thương mại quốc tế T phải chịu 54.064.179 đồng (Năm mươi bốn triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi chín đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP V (Kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng - VAMC) được nhận lại 56.900.000đ (Năm mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 02833 ngày 30/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Hiền Vinh